PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

HÓA CHẤT TẨY CẶN VH - 408

Tên sản phẩm: VH - 408

Số CAS: Hỗn hợp

Số UN: Không áp dụng

Số đăng ký EC: Không áp dụng

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Chưa có thông tin

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): Chưa có thông tin

PHẦN I: THÔNG TIN SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

- Tên thường gọi của chất: Hóa chất tẩy cặn VH - 408

- Tên thương mại: VH - 408

- Tên khác (không là tên khoa học):

Tên nhà cung cấp, địa chỉ:	*Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:*
Viện Hóa học Công Nghiệp Việt Nam, *Cơ sở 1* : Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội *Cơ sở 2:* Phường Phúc Diễn – Bắc Từ Liêm – Hà Nội ĐT: 04 37658900/ 04 37658901 Fax: 04 37658900	**Mr. Dương Mạnh Tiến**, Trung tâm VCPB – Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam. ĐT 04 37658901 / 0915 588 225

Tên nhà sản xuất, địa chỉ:
Viện Hóa học Công Nghiệp Việt Nam, *Cơ sở 1* : Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Cơ sở 2: Phường Phúc Diễn – Bắc Từ Liêm – Hà Nội

- Mục đích sử dụng: Dùng tẩy cáu cặn, gỉ sắt, làm sạch đường ống, bề mặt thiết bị của hệ thống khai thác dầu mỏ, hệ thống đường ống nước, nồi hơi…

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN NGUY HiỂM

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Acid phosphoric	37267-86-0	H_3PO_4	10 - 17
Acetic acid	64 - 19 -7	CH_3COOH	1 - 15

Formic acid	64 -18-6	HCOOH	1-7
Non-ionic surfacetant	127087-87-0	$C_9H_{19}C_6H_4(OCH_2CH_2)_9OH$	0,1-2,5

PHẦN III: NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo Nghị định 104/2009/NDCP): Nhóm 8: Các chất ăn mòn

2. Cảnh báo nguy hiểm : Không áp dụng

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong téc nhựa kín có dung tích 1000l, bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo. Không hạn chế thời gian bảo quản.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Gây bỏng rát mắt khi bị dây vào mắt nếu bị nặng có thể gây mù lòa.

- Đường thở: Gây khô niêm mạc, gây ho sặc, bỏng rát cổ họng, tổn thương phổi.

- Đường da: Gây ngứa, ăn mòn mạnh khi bị dây vào da.

- Đường tiêu hóa: Gây buồn nôn, chảy máu dạ dày khi uống phải, nặng có thể gây chết người

PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU KHI GẶP TAI NẠN

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Cần rửa mắt bằng dòng nước ít nhất 15 phút và giữ nguyên mí mắt để rửa có thể được toàn bộ mắt. Sau khi rửa nên đưa nạn nhân đến trung tâm y tế gần nhất để được xử lý kịp thời.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Cần thay ngay quần áo và giày. Rửa sạch vùng da bị dính hóa chất tối thiểu 15 phút. Nếu bị nặng cần đưa đến cơ sở y tế gần nhất để được xử lý kịp thời.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Cần đưa nạn nhân ra nơi thoáng mát và thay quần áo cho nạn nhân. Nếu nạn nhân khó thở cần hô hấp nhân tạo và đưa đến cơ sở y tế

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Ít xảy ra đối với hóa chất VH - 408. Tuy nhiên nếu nuốt phải, cần uống nhiều nước. Ép nạn nhân nôn, sau đó cần uống thêm nước Natri bicacbonat loãng (Thuốc muối chữa đau dạ dày). Không tiếp xúc với nạn nhân bằng mồm để tránh ngộ độc thứ cấp. Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế càng sớm càng tốt

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): Hóa chất uống phải có tính axit

PHẦN V: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không cháy khi tiếp xúc với nguồn nhiệt

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Không áp dụng

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): Không áp dụng

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Không áp dụng

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Không áp dụng

6. Các lưu ý dặc biệt về cháy, nổ (nếu có): Không áp dụng

PHẦN VI: BiỆN PHÁP XỬ LÝ KHI GẶP SỰ CỐ RÒ RỈ, ĐỔ TRÀN

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Cần khống chế phạm vi rò rỉ, thu gom hóa chất vào thùng đựng bằng nhựa, trung hòa bằng vôi bột rồi đem xử lý bằng phương pháp chôn lấp. Rửa sạch khu vực bị rò rỉ bằng nước.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Trang bị bảo hộ cá nhân đầy đủ khi xử lý. Cô lập khu vực bị tràn đổ, lấy lại hóa chất nếu có thể. Dùng các chất trơ như mùn cưa, cát, đất để thu gom hóa chất vào thùng đựng bằng nhựa và xử lý theo phương pháp chôn lấp. Rửa sạch khu vực bị rò rỉ, tràn đổ.

PHẦN VII: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm: Không áp dụng

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Khu vực bảo quản nên có bố trí thông gió, thoáng mát.

PHẦN VIII: KiỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ PHƯƠNG TiỆN BẢO HỘ

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc): Khu vực làm việc cần thông thoáng.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ
- Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ lao động
- Bảo vệ tay: Găng tay
- Bảo vệ chân: Ủng

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

PHẦN IX: ĐẶC TÍNH HÓA LÝ

Trạng thái vật lý: Lỏng	Nhiệt độ sôi: > 100 ^{o}C
Màu sắc: Không màu đến vàng nhạt	Điểm nóng chảy (^{O}C): Không áp dụng
Mùi đặc trưng: Hơi sốc	Điểm bùng cháy (^{0}C) (Flash point) theo phương pháp xác định: Không áp dụng
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): Không áp dụng

Tỷ trọng (nước = 1): Không áp dụng	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không áp dụng
Độ hòa tan trong nước: Tan không giới hạn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không áp dụng
Độ pH(dung dịch 1% ở 25^0C): 2,0 - 5,0	Tỷ lệ hoá hơi: Không áp dụng
Khối lượng riêng: Không nhỏ hơn 1 kg/l	Các tính chất khác nếu có

PHẦN X: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Bền ở trạng thái lỏng

2. Khả năng phản ứng:

Phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, Phản ứng với môi trường xung quanh): Có phản ứng ăn mòn nhẹ với vật liệu bằng thép, các kim loại hoạt động. Không ăn mòn cao su, nhựa

PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Phosphoric acid	LD50	1530 mg/kg	Tiêu hóa	Chuột
Acetic acid	LD50	3310 mg/kg	Tiêu hóa	Chuột
Formic acid	LD50	1100 mg/kg	Tiêu hóa	Chuột
Non-ionic surfacetant	LD50	2,33 - 2,83ml/kg	Tiêu hóa	Chuột

2. Các ảnh hưởng độc khác

PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

1. Độc tính với sinh vật: Chưa có thông tin

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: Là chất phân hủy sinh học

- Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Sản phẩm của quá trình phân hủy ít độc hơn sản phẩm gốc.

- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Chưa có thông tin

PHẦN XIII: BIỆN PHÁP VÀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU HỦY HÓA CHẤT

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Chưa có thông tin

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Chưa có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: Chưa có thông tin

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý: Chưa có thông tin

PHẦN XIV: QUY ĐỊNH VỀ VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. - Thông tư số 25/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 thông tư hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxi hóa, các hợp chất oxit hữu cơ và các chất ăn mòn bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	**Không áp dụng**		**8**	**Can nhựa 30 kg**		

PHẦN XV: THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo); Chưa có thông tin

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký : Không áp dụng

PHẦN XVI: THÔNG TIN KHÁC

Ngày tháng biên soạn phiếu: Ngày 27 tháng 9 năm 2010

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: Ngày 24 tháng 11 năm 2015

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Trung tâm VCPB, Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam

Lưu ý người đọc: Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

XÁC NHẬN CỦA VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM